

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D K
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST

Ngày: 29/6/2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN D K - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Công Luận

Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị G - sinh năm 1945

Địa chỉ: Thôn N 1, xã Diên S, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn N 1, xã Diên S, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

*** Người làm chứng:** Ông Bùi Hữu Quốc H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn N 1, xã Diên S, huyện D K, tỉnh Khánh Hòa.

Bà M, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị G trình bày:

Vào ngày 25/9/2016 âm lịch, bà Nguyễn Thị M có vay của bà số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), với cam kết vài tháng hoặc 01 năm sau sẽ trả lại cho bà số tiền trên. Khi cho bà M vay vì chỗ hàng xóm với nhau nên bà

không có yêu cầu lãi đối với số tiền này và bà có hỏi bà M vay để làm gì thì bà M nói vay cho cá nhân bà, không có liên quan đến ai hết, bà vay để bà sử dụng việc riêng của bà. Sau đó 01 năm, bà có yêu cầu bà M trả lại số tiền trên cho bà nhưng bà M không trả cho bà. Từ đó đến nay, đã rất nhiều lần bà đến nhà bà M yêu cầu bà M trả lại số tiền này cho bà nhưng bà M không trả mà còn có thái độ thách thức đối với bà. Số tiền bà cho bà M vay là của cá nhân bà, không có liên quan đến ai hết, việc vay số tiền trên chỉ có một mình bà M vay của bà. Do thời hạn vay đã lâu, nay bà yêu cầu bà M hoàn trả lại tài sản cho bà là số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), bà không yêu cầu bà M trả lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn và người làm chứng nhưng vẫn không đến Tòa án làm việc, vẫn cố tình trốn tránh, vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà M và người làm chứng ông H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D K, tỉnh Khánh Hòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người làm chứng không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị G, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho bà Ngô Thị G số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch, hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Ngô Thị G yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị M trả số tiền nợ cho bà là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị M, ông Bùi Hữu Quốc H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà M, ông H vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M, ông H.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Ngô Thị G yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải trả lại số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết đơn và thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tuy nhiên, do thời hiệu của hợp đồng vay đã hết và bà G chỉ đòi lại tài sản là tiền vay nên xác định lại đây là tranh

chấp “Đòi lại tài sản” mới phù hợp theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), các bên có lập giấy mượn nợ đề ngày 25/9/2016 âm lịch nhưng vì bị đơn vi phạm thời gian cam kết trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tờ giấy vay nợ có chữ ký, ghi rõ họ tên của bị đơn và có người làm chứng là ông H ký vào giấy vay nợ này. Vì vậy, đây là giao dịch hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét: Tại các bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) do bị đơn vi phạm việc trả nợ cho nguyên đơn theo như thỏa thuận tại giấy mượn nợ ngày 25/9/2016 âm lịch. Với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự thì xét quan hệ vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật. Đối với bà Nguyễn Thị M, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp pháp thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, điều đó chứng tỏ bà M đã nhận, biết được các giấy tờ của Tòa án về nội dung khởi kiện của bà G nhưng bà M vẫn không đến Tòa án để làm việc. Theo như thỏa thuận tại giấy mượn nợ thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền khởi kiện và yêu cầu bị đơn trả số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) là có căn cứ; do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà G tài sản là số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu lãi suất nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền phải trả: 90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 163, 164 và Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị M trả cho bà Ngô Thị G số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Ngô Thị G số tiền tạm

ứng án phí dân sự đã nộp là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0007578 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D K - tỉnh Khánh Hòa.

3. Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D K;
- Chi cục THADS huyện D K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Hoa